

Bản án số: 06 /2019/DS-PT

Ngày 27-02-2019

*V/v: “Yêu cầu phân chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy quyết định cá biệt”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn***

***Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường***

***Ông Phạm Tôn***

***- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.***

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đoàn Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.***

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019; về việc “*Yêu cầu phân chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2019/QĐ-PT ngày 12/02/2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1948.***

***Địa chỉ: Tổ 7, khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.***

***Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Anh N, sinh năm 1976. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có mặt.***

***- Bị đơn: Ông Phan H, sinh năm 1962.***

***Địa chỉ: Tổ 9, khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.***

***Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Hồng V, sinh năm 1983. Địa chỉ liên hệ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.***

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phan Công B, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ 6, khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Bà Phan Thị C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 6, khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Bà Phan Thị M, sinh năm 1964. Địa chỉ: phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Bà Phan Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 9, khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 9, khối S, phường Cẩm Châu, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

+ Ông Phạm Minh M. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

+ Ông Phạm Minh C. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

+ Ông Phạm Minh H. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà C, bà M, bà T, bà H, ông T, ông M, ông C, ông H: Ông Bùi Anh N, sinh năm 1976. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.*

+ Bà Phan Thị Kiều M1, sinh năm 1987, có mặt .

+ Bà Phan Thị Thu T1, sinh năm 1988, có mặt.

+ Anh Phan Huy P, sinh năm 2004 (Người giám hộ ông Phan H).

Cùng địa chỉ: Tổ 9, khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà M1, bà T1: Ông Đinh Hồng V, sinh năm 1983. Địa chỉ liên hệ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.*

+ Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, vắng mặt.*

+ Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn B, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam.*

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C, Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam, có mặt.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và*

***lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Bùi Anh N  
thì:***

Cha mẹ bà Phan Thị L là ông Phan C (liệt sĩ hi sinh năm 1968) và mẹ là bà Lê Thị Đ (sinh năm 1911, chết 2014) có tạo lập một ngôi nhà và khu vườn tại khối S, phường C, thành phố H.

Mẹ bà có kê khai đăng ký theo Quyết định 201/CP của Chính phủ tại thửa 766A, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.383m<sup>2</sup>. Do cha mẹ bà mất sớm, mẹ bà già yếu nên em bà ông Phan H sống chung cùng mẹ bà và kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP thửa đất có số thửa 300, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.100m<sup>2</sup>. Đến ngày 28/10/2008 ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thửa đất nói trên cho hộ em bà là ông Phan H và bà Trần Thị T2 tại thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 1305,8m<sup>2</sup>.

Ngày 17/3/2009 ông Phan H có bàn với chị em bà tách thửa đất thêm 03 thửa đó là: Thửa 988, tờ bản đồ số 52, diện tích 187,5m<sup>2</sup>; Thửa 989, tờ bản đồ số 52, diện tích 127,8m<sup>2</sup> và thửa 990, tờ bản đồ số 52, diện tích 115,1m<sup>2</sup> để bán sử dụng số tiền sửa lại nhà thờ nên các anh chị em bà đồng ý. Phần đất còn lại tại thửa 716 là 875,4m<sup>2</sup> ông Phan H quản lý sử dụng.

Đến ngày 09/01/2018 ông Phan H tự ý tách thửa đất 716 (đo mới là thửa 1299) tờ bản đồ số 52 thêm 03 thửa mới đó là: Thửa 1296, diện tích 235m<sup>2</sup>; Thửa 1297, diện tích 171m<sup>2</sup>; Thửa 1298, diện tích 123m<sup>2</sup>; diện tích Thửa 1299 còn lại là: 346,4m<sup>2</sup> và đăng tin bán đất mà không thông qua ý kiến của chị em bà.

Cha mẹ bà trước khi chết không ai để lại di chúc. Cha mẹ bà có 07 người con gồm: Bà Phan Thị L; ông Phan Công B; ông Phan H; bà Phan Thị C; bà Phan Thị M; bà Phan Thị L1 (chết năm 1994) có chồng là ông Phạm A (chết năm 2017) và có 04 con là: Phạm Minh T, Phạm Minh M, Phạm Minh C, Phạm Minh H; ông Phan T4 (chết năm 2001) có vợ là bà Phạm Thị T3, sinh năm 1959 và 02 con là: Phan Thị Thu H và Phan Thị T.

Việc UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ của cha mẹ bà cho hộ em bà là Phan H khi chưa lập thủ tục thừa kế và cấp đất khi mẹ bà còn sống mà không được sự đồng ý của mẹ bà và tất cả anh chị em bà là trái quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Phân chia thừa kế thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 875,4m<sup>2</sup>, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho những người thừa kế của cha mẹ bà;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 653038 ngày 28/10/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2 đối với thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 875,4m<sup>2</sup>, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy việc tách thửa đất số 1296, tờ bản đồ số 52, diện tích 235m<sup>2</sup>; thửa đất số 1297, tờ bản đồ số 52, diện tích 171m<sup>2</sup> và thửa đất số 1298, tờ bản đồ số 52,

diện tích 123m<sup>2</sup> của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

Tại phiên hòa giải ngày 16/10/2018, nguyên đơn bổ sung thêm nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các GCNQSDĐ số CK467482 ngày 05/01/2018; GCNQSDĐ số CK467483 ngày 05/01/2018; GCNQSDĐ số CK467484 ngày 05/01/2018 mà UBND thành phố H đã cấp cho hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2 đối với 03 thửa đất được tách trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu phân chia tài sản cho bà Phan Thị L là một lô đất tại thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 875,4m<sup>2</sup>, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam để bà L xây nhà ở.

***Theo các văn bản có tại hồ sơ vụ án, lời khai của bị đơn ông Phan H và lời khai tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Đinh Hồng V tại phiên tòa :***

Về quan hệ gia đình: Bà Phan Thị L; ông Phan Công B; ông Phan H; bà Phan Thị C; bà Phan Thị M; bà Phan Thị L1 (chết năm 1994) có chồng là ông Phạm A (chết năm 2017) và có 04 con là: Phạm Minh T, Phạm Minh M, Phạm Minh C, Phạm Minh H; ông Phan T4 (chết năm 2001) có vợ là bà Phạm Thị T3, sinh năm 1959 và 02 con là: Phan Thị Thu H và Phan Thị T. Cha mẹ ông Phan H trước khi chết không ai để lại di chúc.

Về nguồn gốc tài sản: Thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 1305,8m<sup>2</sup>, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc là của cha mẹ ông để lại cho vợ chồng ông sử dụng từ trước đến nay. Các chị em ông có gia đình và đều có đất ở riêng.

Về việc kê khai, đăng ký: Thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 1305,8m<sup>2</sup>, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã được ông kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP và được cấp GCNQSDĐ số AN 653038 ngày 28/10/2008.

Ngày 17/3/2009 UBND thành phố H thống nhất cho phép hộ ông Phan H tách thêm 03 thửa mới: Thửa 988, tờ bản đồ số 52, diện tích 187,5m<sup>2</sup>; Thửa 989, tờ bản đồ số 52, diện tích 127,8m<sup>2</sup> và thửa 990, tờ bản đồ số 52, diện tích 115,1 m<sup>2</sup> và các anh chị em ông đã thống nhất bán để lấy tiền xây dựng nhà thờ. Phần đất còn lại tại thửa 716 là 875,4m<sup>2</sup> mà nguyên đơn khởi kiện là của vợ chồng Ông.

Ngày 09/01/2018 UBND thành phố H thống nhất cho phép hộ ông Phan H tách thửa 716 (đo mới là thửa 1299) thêm 03 thửa mới đó là: Thửa 1296, diện tích 235m<sup>2</sup>; Thửa 1297, diện tích 171m<sup>2</sup>; Thửa 1298, diện tích 123m<sup>2</sup>; diện tích Thửa 1299 còn lại là: 346,4m<sup>2</sup>.

Hiện nay bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế, yêu cầu nhận 01 lô đất, yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AN 653038 ngày 28/10/2008 và hủy việc tách các thửa đất và GCNQSDĐ đã cấp đối với các thửa đất được tách thì ông Phan H không đồng ý. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị L.

Theo Văn bản số 1952/UBND ngày 14/6/2018 của UBND thành phố H - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày thì:

Thửa đất bà Phan Thị L có đơn khởi kiện thể hiện qua các thời kỳ kê khai, đăng ký như sau:

Hồ sơ đăng ký theo Quyết định 201/CP của Chính phủ là thửa đất số 766, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.383m<sup>2</sup>, xã C (cũ), loại đất thổ cư do hộ bà Lê Thị Diễm (mẹ ông Phan H) kê khai đăng ký.

Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 300, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.100m<sup>2</sup>, xã C (cũ), loại đất thổ cư do hộ ông Phan H kê khai đăng ký.

Hồ sơ đo đạc theo hệ tọa độ VN.2000 là thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 1.391m<sup>2</sup> (Số mục kê ghi 1.033,9m<sup>2</sup>), phường C, gồm 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 833,9m<sup>2</sup> đất vườn do bà Phan Thị T quản lý, sử dụng.

Về quá trình sử dụng đất: Trên cơ sở hồ sơ kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP, UBND xã C (cũ) thành lập Hội đồng để xét giao đất và tiến hành việc công khai họp xét giao đất và cấp GCNQSDĐ. Do đó, người đang sử dụng đất có kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP là ông Phan H được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 300, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.100m<sup>2</sup>; tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho ông Phan H thửa đất không có tranh chấp, khiếu nại. Ngày 28/10/2008 UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ số AN 653038 đối với thửa đất số 716 (300), tờ bản đồ số 52 (01), diện tích 1305,8m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị cho hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2 là đúng quy định pháp luật. Hộ ông Phan H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 716 nên đủ điều kiện thực hiện các quyền của người sử dụng đất như tách thửa, chuyển nhượng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Theo Văn bản số 151/VPĐK ngày 22/5/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày thì:

Hộ ông Phan H quản lý sử dụng đất tại thửa số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 1305,8m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 653038 ngày 28/10/2008.

Tháng 3/2009 hộ ông Phan H được UBND thành phố H cho phép tách 03 thửa đất mới gồm: Thửa 988, tờ bản đồ số 52, diện tích 187,5m<sup>2</sup>; Thửa 989, tờ bản đồ số 52, diện tích 127,8m<sup>2</sup> và thửa 990, tờ bản đồ số 52, diện tích 115,1m<sup>2</sup>, diện tích còn lại trong GCNQSDĐ của thửa 716, tờ bản đồ số 52 là 875,4m<sup>2</sup> được phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H chỉnh lý ngày 17/3/2009.

Ngày 17/11/2017 hộ ông Phan H lập thủ tục xin tách tiếp phần diện tích còn lại của thửa đất 716 nói trên thành 03 thửa đất mới, gồm: thửa 1296, diện tích 235m<sup>2</sup>; Thửa 1297, diện tích 171m<sup>2</sup>; Thửa 1298, diện tích 123m<sup>2</sup>; diện tích thửa 1299 còn lại là: 346,4m<sup>2</sup>.

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đã hoàn thiện hồ sơ trình Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam thẩm tra, trình Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp GCNQSDĐ số CK 467482, CK467483, CK467484 ngày 05/01/2018 đối với 3 thửa đất mới tách, trên cơ sở đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đã thực hiện chỉnh lý biên động ngày 09/01/2018 và chuyển các GCNQSDĐ nói trên cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả H để trao cho hộ ông Phan H là đúng theo quy định hiện hành.

Từ những nội dung trên, Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam khẳng định việc tiếp nhận hồ sơ và thực hiện chỉnh lý biên động của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đối với trường hợp xin tách thửa của hộ ông Phan H là đúng theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 17 Thông tư 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, khoản 1, 2 Điều 75, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai”. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Bùi Anh N — Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà C, bà M, bà T, bà H, ông T, ông M, ông C, ông H trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của người đại diện của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản và quan hệ gia đình. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M1, bà T1, anh Phan Huy P (Người giám hộ ông Phan H) trình bày:

Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để làm rõ các nội dung: Tại sao nguồn gốc thửa theo hồ sơ đo đạc hệ tọa độ VN.2000 là bà Phan Thị T quản lý, sử dụng. Chưa xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị L1, ông Phan T4.

Tại Bản án sơ thẩm số 58/2018/DSST ngày 30 - 11 - 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Di sản thừa kế được chia như sau:

Tài sản thừa kế là phần diện tích đất 875,4m<sup>2</sup>, thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam được khấu trừ 200m<sup>2</sup> đất trị giá 3.000.000.000 đồng giao cho ông Phan H.

Giá trị tài sản thừa kế còn lại là 10.131.000.000 đồng, được chia đều cho 07 người con của ông Phan C và bà Lê Thị Đ là: Bà Phan Thị L; ông Phan Công B; bà Phan Thị L1; ông Phan T4; ông Phan H; bà Phan Thị C; bà Phan Thị M mỗi người được hưởng 1.447.285.000 đồng.

(Một tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Giao toàn bộ diện tích đất 875,4m<sup>2</sup> cho ông Phan H sử dụng.

- Ông Phan H có nghĩa vụ trích trả cho những người thừa kế bà Phan Thị L; ông Phan Công B; bà Phan Thị C; bà Phan Thị M, mỗi người được hưởng số tiền là 1.447.285.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Phan H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Minh T, ông Phạm Minh M, ông Phạm Minh C, ông Phạm Minh H, mỗi người được hưởng số tiền là 361.821.000 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu, tám trăm hai mươi một nghìn đồng).

- Ông Phan H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Thu H và bà Phan Thị T, mỗi người được hưởng số tiền 723.642.000 đồng (Bảy trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu những người trên có đơn đề nghị thi hành án mà ông Phan H không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền trên theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về yêu cầu gồm:

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 653038 ngày 28/10/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2 đối với thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 875,4m<sup>2</sup>, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

+ Hủy việc tách thửa đất số 1296, tờ bản đồ số 52, diện tích 235m<sup>2</sup>; thửa đất số 1297, tờ bản đồ số 52, diện tích 171m<sup>2</sup> và thửa đất số 1298, tờ bản đồ số 52, diện tích 123m<sup>2</sup> của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

+ Hủy các GCNQSDĐ số CK467482 ngày 05/01/2018 với thửa đất số 1296, tờ bản đồ số 52, diện tích 235m<sup>2</sup>; GCNQSDĐ số CK467483 ngày 05/01/2018 với thửa đất số 1297, tờ bản đồ số 52, diện tích 171m<sup>2</sup>; GCNQSDĐ số CK467484 ngày 05/01/2018 với thửa đất số 1298, tờ bản đồ số 52, diện tích 123m<sup>2</sup> mà UBND thành phố H đã cấp cho hộ ông Phan Thị Hước và bà Trần Thị T2.

+ Đề nghị được nhận 01 lô đất tại thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2018 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị

L là ông Bùi Anh N kháng cáo một phần bản án, với nội dung Tòa án sơ thẩm chưa xem xét giao cho bà Phan Thị L lô đất số: 1298, diện tích 123m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 52 là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà L; bà L hiện nay không có nhà đất, đang thuê ở tại H; đề nghị Tòa án phúc thẩm phân chia cho bà L lô đất nói trên để sử dụng làm nhà ở, bà L sẽ thôi trả phần chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Ngày 12/12/2018 bị đơn ông Phan H kháng cáo toàn bộ bản án, với nội dung: Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại cho 7 anh chị em là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi, vì năm 2008 tất cả các thành viên trong gia đình và các anh chị em đã họp bàn thống nhất bán 500m<sup>2</sup> để chia, còn lại cho vợ chồng tôi, do đó tôi không đồng ý với quyết định của tòa án cấp sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại toàn bộ vụ án nói trên theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày như sau:

Đại diện cho nguyên đơn bà Phan Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, và trình bày: Tòa án sơ thẩm đã phân chia thừa kế là đúng, bà Phan Thị L hiện nay không có nhà ở phải ở với con gái, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cho bà L diện tích đất để làm nhà ở, bà L sẽ thôi trả tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế, về số tiền ông H chia do bán đất theo Biên bản họp gia đình năm 2008 bà L có nhận 30 triệu đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan H và ông Phan H vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; và trình bày: Các anh chị em đều ở riêng và đã có nhà đất; sau khi họp gia đình thì tôi đã bán toàn bộ diện tích đất 500m<sup>2</sup> chia cho các anh chị em, số tiền còn lại làm nhà thờ, toàn bộ diện tích đất còn lại hiện nay là của vợ chồng tôi, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị M, bà Phan Thị Thu H trình bày các Bà có tham gia cuộc họp gia đình vào ngày 12/11/2008, biên bản họp do ông H lập các Bà đã ký vào biên bản; sau khi họp gia đình thì ông H đã bán 4 lô đất và có đưa cho các anh chị em trai 59 triệu, gái 30 triệu nhưng đưa nhiều lần, tất cả các anh chị em đều đã nhận tiền kể cả bà L.

Đại diện theo ủy quyền ông Lưu Văn B, Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam trình bày: Thừa đất nguyên đơn bà L khởi kiện do bà Lê Thị Đ (mẹ ông H) kê khai đăng ký theo Quyết định 201/CP của Chính phủ (CT299) tại thửa 766, tờ bản đồ số 1 diện tích 1.383 m<sup>2</sup>. Đăng ký theo Nghị định 64/CP có số thửa 300, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.100 m<sup>2</sup> loại đất thổ cư do hộ ông Phan H kê khai đăng ký, ông Phan H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 nhưng sau đó bị mất, năm 2008 hộ ông Phan H làm hồ sơ xin cấp lại được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận, hộ gia đình ông Phan H liên tục quản lý và sử dụng đất, năm 2009 tách làm 3 thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, năm 2018 tách 3 thửa mới; quá trình cấp sổ và cấp lại sổ (Giấy chứng nhận), tách thửa và việc sử dụng đất của hộ ông Phan H thì không có tranh chấp,



khieu nại. Việc UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận và tách thửa cho hộ ông Phan H là đúng pháp luật, hộ ông Phan H là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích hiện nay là 875,4 m<sup>2</sup>.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật khi giải quyết vụ án phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 875,4 m<sup>2</sup> theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được nhận hiện vật là lô đất là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị xem xét miễn án phí cho các đương sự là thân nhân gia đình liệt sỹ.

Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan H, thấy:

[1.1] Ông Phan C (chết năm 1968) và bà Lê Thị Đ (chết ngày 11/4/2014) có 07 người con gồm: Bà Phan Thị L, ông Phan Công B, ông Phan T4 (chết năm 2001, có vợ là bà Phạm Thị T3 và 2 con là Phạm Thị Thu Hà và Phan Thị T), ông Phan H, bà Phan Thị C, bà Phan Thị M, bà Phan Thị L1(chết năm 1994, có chồng là ông Phạm A đã chết năm 2017 và có 4 con là: Phạm Minh T, Phạm Minh M, Phạm Minh C, Phạm Minh H). Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L phân chia thừa kế thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 875,4 m<sup>2</sup> có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 653038 ngày 28/10/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2, tại khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho những người thừa kế là con của ông C và bà Đ. Nguồn gốc tài sản là thửa đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, hồ sơ đăng ký theo Quyết định 201/CP của Chính phủ tại thửa đất số 766, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.383 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư ở xã C do hộ bà Lê Thị Đ (mẹ ông Phan H) kê khai đăng ký; kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ do ông Phan H đứng tên kê khai và đăng ký đổi thành thửa đất số 300, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.100 m<sup>2</sup>, xã C (cũ), loại đất thổ cư hộ ông Phan H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995; hồ sơ đo đạc theo hệ tọa độ VN.2000 là thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, diện tích 1.391m<sup>2</sup> (số mục kê ghi 1.033,9m<sup>2</sup>), phường C, trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 833,9 m<sup>2</sup> đất vườn do ông Phan H quản lý, sử dụng. Ngày 28/10/2008, hộ ông Phan H được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trước đó vào năm 1995) số AN 653038 đối với thửa đất số 716(300), tờ bản đồ số 52, diện tích 1.305,8m<sup>2</sup>, loại đất đô thị.

Ngày 17/3/2009 hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2 được UBND thành phố H tách thửa đất trên thành 3 thửa đất mới gồm: Thửa 988, tờ bản đồ số 52, diện tích: 187,5 m<sup>2</sup>; thửa 989, tờ bản đồ số 52, diện tích: 127,8 m<sup>2</sup>; thửa 990, tờ bản đồ số 52, diện tích: 115,1 m<sup>2</sup>; diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận của thửa số 716, tờ bản đồ số 52 là: 875,4 m<sup>2</sup>. Ngày 17/11/2017, hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2 tiếp tục được UBND thành phố H tách thửa đất 716 với diện tích đất 875,4 m<sup>2</sup> thành 3 thửa mới, gồm: Thửa 1296, tờ bản đồ số 52, diện tích 235 m<sup>2</sup>; thửa đất số: 1297, tờ bản đồ số 52, diện tích 171 m<sup>2</sup>; thửa đất số 1298, tờ bản đồ số 52, diện tích 123 m<sup>2</sup>; diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận thửa 716 (số thửa mới là 1299), tờ bản đồ số 52 là 364,4 m<sup>2</sup>.

[1.2] Vào ngày 12/11/2008 các anh chị em gia đình ông Phan H họp gia đình, tại Biên bản họp gia đình do ông Phan H lập ( BL 153), có nội dung: “ Tôi là em trai út được thừa kế của mẹ là Lê Thị Đ sinh năm 1911, tôi được ở và sử dụng mảnh đất này. Nay gia đình đã họp thống nhất bán ra 1 sào 500m<sup>2</sup> theo quy định để làm nhà thờ và chia phần còn lại trong sổ đất nói trên tức 30% để làm nhà thờ còn lại chia phần trong sổ tiền còn lại trai 100% gái 50%, sổ đất còn lại toàn quyền sử dụng của vợ chồng ông Phan H và bà Trần Thị T2. Vậy toàn bộ gia đình đã nhất trí theo như biên bản đã họp bàn và ký tên”; tham gia họp và ký tên vào Biên bản họp có vợ chồng anh trai ông H là ông Phan Công B và Võ Thị Biểu, em gái ông H là bà Phan Thị C, bà Phan Thị M, đôi với anh trai ông Phan T4 (chết) có bà H là con ký thay. Thực hiện theo biên bản họp gia đình ngày 12/11/2008, ông Phan H đã bán đất và chia tiền cho các anh chị em, con trai nhận 59 triệu, con gái nhận 30 triệu; bà Phan Thị L và các con bà Phan Thị L1, ông Phan T4 đã nhận số tiền là phần hưởng thừa kế của mình và của ba mẹ mà không có ý kiến gì. Tại phiên tòa bà Phan Thị Thu H và bà Phan Thị M thừa nhận có tham gia buổi họp gia đình ngày 12/11/2008 và đã ký tên, xác nhận tất cả những người anh chị em ông H đã nhận tiền do ông H bán đất chia cho nhưng nhận nhiều lần, bà Phan Thị L cũng đã nhận số tiền 59 triệu đồng; tại thời điểm họp gia đình phân chia thừa kế thì bà Lê Thị Đ còn sống và sau khi họp gia đình ông H đã tách thửa bán đất chia tiền và làm nhà thờ bà Diễm không có ý kiến gì; các anh chị em ông Phan H mặc dù biết toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa đất 716 ông Phan H và bà Trần Thị T2 đứng tên chủ sử dụng và quản lý nhưng đều không có ý kiến tranh chấp, chỉ đến khi đầu năm 2018 mới có ý kiến phản đối về việc ông Phan H tách thửa đất và thông báo chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, Thửa đất 716, tờ bản đồ số 52, có diện tích 1.305,8 m<sup>2</sup> tại Khối S, phường C thành phố H đứng tên chủ sử dụng đất ông Phan H và bà Trần Thị T2 có Giấy Chứng nhận số AN 653038 của UBND thành phố H cấp cho ông Phan H và bà Trần Thị T2 có nguồn gốc là của bà Lê Thị Đ (mẹ ông H) kê khai theo Quyết định 201/CP của Chính phủ, nhưng đã được gia đình họp thống nhất giao cho ông Phan H và bà Trần Thị T2 quản lý và sử dụng diện tích 805,8m<sup>2</sup> (1.305,8m<sup>2</sup>- 500m<sup>2</sup>); diện tích 500 m<sup>2</sup> (1 sào) được gia đình thống nhất bán đi để chia cho các anh chị em (con trai 100% con gái 50%) và làm nhà thờ; sau khi họp gia đình ngày 12/11/2008, thì ông Phan H đã bán đất và phân chia tiền cho các anh chị em trong gia đình và làm nhà thờ; ông Phan H và bà Trần Thị T2 đã đứng tên chủ sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng từ trước năm 1995 được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận, sau đó cấp lại sổ năm 2008, đến năm 2009 tách thành 3 thửa chuyên nhượng và sử dụng ổn định, những người thừa kế điều biết mà không có ý kiến tranh chấp hay khiếu nại. Do đó, diện tích đất thửa 716, tờ bản đồ số 52, có diện tích đất còn lại 805,8 m<sup>2</sup> tại khối S, phường C, thành phố H mà nguyên đơn bà Phan Thị L khởi kiện chia thừa kế không còn là di sản thừa kế của bà Lê Thị Đ, ông Phan C như bản án sơ thẩm đã xác định mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông H theo quy định tại các Điều 219,223,226 BLDS năm 2005 (Án lệ số 24/208/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân, được HĐPTANDTC thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 6/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao), Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế phần diện tích đất của ông Phan H và bà Trần Thị T2 được quản lý sử dụng (805,8m<sup>2</sup>) là không đúng pháp luật.

[1.3] Tại Biên bản làm việc do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H lập ngày 29/1/2018 (BL 16) với thành phần gồm có: bà Phan Thị L, ông Phan Công B, bà Phan Thị C, bà Phan Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị Thu H và Phan Thị L, có nội dung: “Vào năm 2009 ông Phan H có mời các anh chị em ký vào Biên bản họp gia đình với nội dung là chuyển nhượng 5 lô. Nhưng thực tế chỉ chuyển nhượng 4 lô, còn lại 1 lô và có chia cho mỗi người con trai là 59 triệu đồng và con gái là 30 triệu đồng, còn lại trích để làm nhà thờ. Tại buổi làm việc này chúng tôi đề nghị ông Phan H: phần đất nói trên là của cha mẹ để lại, chúng tôi thống nhất chuyển nhượng 4 lô còn lại 1 lô để xây dựng nhà thờ, phần diện tích đất còn lại chia đều”. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày sau khi họp gia đình Ông đã bán toàn bộ diện tích đất (500m<sup>2</sup>) và chia tiền cho các anh chị em trong gia đình, diện tích đất còn lại là của vợ chồng Ông và Ông đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà L. Tại Biên bản làm việc do UBND phường C lập ( BL18) ông H trình bày: “Trước đây gia đình có tổ chức họp thống nhất chuyển nhượng 5 lô ( năm 2008). Nhưng thực tế chỉ chuyển nhượng 4 lô, còn 1 chưa chuyển nhượng; đối với lô đất còn lại nếu sau này thực hiện chuyển nhượng thì tôi sẽ chia đều cho các anh chị em. Ngoài 5 lô đất nói trên, phần diện tích đất còn lại là của vợ chồng tôi đứng tên và toàn quyền sử dụng”. Xét thấy, diện tích đất thực tế của thửa 716, tờ bản đồ 52 tại Khối S, phường C, thành phố H ( sau khi ông H đã bán đất để chia tiền cho các anh chị em và làm nhà thờ) có diện tích 875,4m<sup>2</sup>; như vậy, phần diện tích còn lại: 69,6m<sup>2</sup> (Sáu mươi chín phẩy sáu mét vuông đất) của các đồng thừa kế theo thỏa thuận tại biên bản Họp gia đình ngày 12/11/2008 thì ông Phan H chưa bán ( 875,4m<sup>2</sup> - 805,8m<sup>2</sup> là diện tích ông H và bà Trần Thị T2 được quản lý sử dụng) hiện nay đang quản lý sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế cần chia di sản thừa kế còn lại chưa chia là giá trị 01( một) lô đất có diện tích 69,6 m<sup>2</sup> ( Sáu mươi chín phẩy sáu mét vuông đất) tại Thửa 716, tờ bản đồ số 52, Khối S, có giá trị 69,6m<sup>2</sup> x 15.000.000 đồng/m<sup>2</sup> (Theo giá thị trường do Hội đồng định giá

ngày 24/9/2018 (BL164,165), Quyết định số 18/QĐ-ĐG ngày 24/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam) = 1.044.000.000 đồng ( Một tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu đồng) được chia đều cho 7 người con ở hàng thừa kế thứ nhất mỗi người được hưởng: 149.142.000 đồng ( Một trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn đồng); các con của bà Phan Thị L1 là ông Phạm Minh T, ông Phạm Minh M, ông Phạm Minh C, ông Phạm Minh H mỗi người được hưởng: 37.285.500 đồng (149.142.000, đồng : 4); các con của ông Phan T4 là Phan Thị Thu H và Phan Thị T mỗi người được hưởng: 74.571.000, đồng ( 149.142.000, đồng : 2). Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan H sửa bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị L yêu cầu được nhận 1 lô đất, Hội đồng xét xử thấy: Diện tích đất mỗi người được chia nhỏ ( $69,6m^2:7$ ), trên diện tích đất hiện nay có tài sản là nhà của ông H và nhà thờ, từ trước đến nay ông H và gia đình vợ và các con là người quản lý và sử dụng hợp pháp. Do vậy, cần tiếp tục giao cho Hước quản lý và sử dụng 69,6 m<sup>2</sup> đất. Ông H có nghĩa vụ bồi trả giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị L.

[3] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về : Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị L (sinh năm 1948) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, ông Phan Công B (sinh năm 1954) không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Theo Đơn xin xác nhận quan hệ nhân thân của bà Phan Thị L (BL04) ngày 08/3/2018 và Đơn xin xác nhận thay Giấy chứng tử của bà Phan Thị Thu H (BL 08) ngày 12/2/2018 đều ghi ông Phan C là Liệt sĩ, nhưng không được UBND phường C, thành phố H xác nhận; các ông, bà gồm: Ông Phan H, bà Phan Thị C, bà Phan Thị M, ông Phạm Minh T, ông Phạm Minh M, ông Phạm Minh C, ông Phạm Minh H, bà Phan Thị Thu H, bà Phan Thị T trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều không có yêu cầu miễn, giảm tiền án phí; do vậy, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Phan H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 219, Điều 223, Điều 226 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 611,613,623,649,651,652 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan H, không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2018/DSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về yêu cầu chia di sản thừa kế. Tài sản thừa kế là diện tích đất: 69,6m<sup>2</sup> ( Sáu mươi chín phẩy sáu mét vuông) thuộc thửa đất số 716, tờ bản đồ số 52, tại Khối S, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 653038 ngày 28/10/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho hộ ông Phan H và bà Trần Thị T2 đứng tên chủ sử dụng có giá trị: 1.044.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu đồng), được chia đều cho 7 người con của ông Phan C và bà Lê Thị Đ là: Bà Phan Thị L, ông Phan Công B, bà Phan Thị L1(C), ông Phan T4(C), ông Phan H, bà Phan Thị C, bà Phan Thị M mỗi người được hưởng: 149.142.000 đồng ( Một trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Giao toàn bộ diện tích đất 69,6 m<sup>2</sup> (Sáu mươi chín phẩy sáu mét vuông đất) tại Thửa 716, tờ bản đồ số 52, Khối S, phường C, thành phố H cho ông Phan H quản lý và sử dụng.

Ông Phan H có nghĩa vụ trả cho những người thừa kế: Bà Phan Thị L; ông Phan Công B; bà Phan Thị C; bà Phan Thị M, mỗi người được hưởng số tiền là: 149.142.000 đồng ( Một trăm bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn đồng). Ông Phan H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Minh T, ông Phạm Minh M, ông Phạm Minh C, ông Phạm Minh H, mỗi người được hưởng số tiền: 37.285.500 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, năm trăm đồng). Ông Phan H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Thu H và bà Phan Thị T, mỗi người được hưởng số tiền: 74.571.000 đồng ( Bảy mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phan H không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị về : Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị L, ông Phan Công B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan H, bà Phan Thị C, bà Phan Thị M mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là: 7.457.100, đồng (Bảy triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm đồng).

Ông Phạm Minh T, ông Phạm Minh M, ông Phạm Minh C, ông Phạm Minh H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.864.000 đồng ( Một triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Bà Phan Thị Thu H, bà Phan Thị T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.728.500, đồng ( Ba triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Phan H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000244 ngày 02/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bà Phan Thị L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Minh Tuấn**